

Số: 240 /2020 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 28 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 369/2020/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 2000.

Địa chỉ hiện nay: Xóm 5, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn D, xã H1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 2000.

Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1991

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Hà Văn C.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh, chị có 01 con chung, tên cháu là Hà Văn T1, sinh ngày 30/01/2018. Ly hôn, anh, chị thỏa thuận giao cháu T1 cho anh C trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu) kể từ tháng 12/2020 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản và phần nợ:* Vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, chị T nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) chị T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004291 ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND xã Hợp tiến, Triệu Sơn
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy

